

Số: /2025/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật
số 90/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định
phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách, nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-
2030; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày tháng..... năm 2025
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nhiệm vụ chi
đầu tư các cấp ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu
tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

Điều 3. Phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư các cấp ngân sách giai đoạn 2026-2030

1. Nhiệm vụ chi đầu tư của cấp tỉnh

a) Dự án nhóm A.

b) Các công trình thuộc lĩnh vực giao thông do Sở Xây dựng quản lý (bao gồm cả đường giao thông nội thị theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh).

c) Các công trình do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý (theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh).

d) Các cơ sở giáo dục và giáo dục nghề nghiệp do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý (theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh).

đ) Các trường đại học, cao đẳng do tỉnh quản lý.

e) Trung tâm dịch vụ việc làm; Trung tâm chăm sóc và điều dưỡng người có công và các nghĩa trang liệt sỹ, đền thờ liệt sỹ, đài tưởng niệm liệt sỹ, nhà bia ghi tên liệt sỹ do Sở Nội vụ quản lý.

g) Trung tâm công tác xã hội và các cơ sở y tế do Sở Y tế trực tiếp quản lý (kể cả phân trạm y tế cấp xã, trạm y tế cấp xã).

h) Các cơ sở thể dục thể thao do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý.

i) Các công trình, dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý.

k) Các công trình văn hóa, nhà thiếu nhi do tỉnh quản lý.

l) Các di tích quốc gia, cấp tỉnh.

m) Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông sản, thực phẩm ở địa bàn nông thôn, miền núi, hải đảo.

n) Hỗ trợ đầu tư khôi quốc phòng - an ninh giai đoạn 2026-2030 từ nguồn vốn cân đối ngân sách cấp tỉnh quản lý (trừ các nguồn: vốn vay, vốn Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA) cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh.

o) Trồng rừng tập trung.

p) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của cụm công nghiệp địa phương (trường hợp không có doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh hạ tầng).

q) Hỗ trợ đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

r) Hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khu kinh tế và khu công nghiệp.

s) Hỗ trợ đầu tư các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

t) Chi vốn đối ứng: Các dự án ODA, NGO, các dự án tài trợ khác, các chương trình, dự án của các Bộ, ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn.

u) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã đầu tư các dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp xã theo ngành, lĩnh vực, không bao gồm các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

v) Cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng do cấp tỉnh quản lý, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án.

x) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho đặc khu Trường Sa theo chương trình, đề án, dự án được phê duyệt.

y) Hỗ trợ cấp bù lãi suất đối với danh mục dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

aa) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

ab) Lập, công bố, điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

2. Nhiệm vụ chi đầu tư của cấp xã

a) Các công trình thuộc lĩnh vực giao thông do cấp xã quản lý.

b) Các công trình thuộc ngành nông nghiệp và môi trường do cấp xã quản lý.

c) Các cơ sở giáo dục do cấp xã quản lý.

d) Các cơ sở thể dục thể thao do cấp xã quản lý.

đ) Các dự án công nghệ thông tin do cấp xã quản lý.

e) Hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ hạng 2 ở địa bàn nông thôn, miền núi, hải đảo.

g) Các công trình: nhà làm việc, công trình văn hóa, nhà thiếu nhi, công viên, đình miếu, nghĩa trang liệt sỹ, đền thờ liệt sỹ, đài tưởng niệm liệt sỹ, nhà bia ghi tên liệt sỹ,...do cấp xã quản lý.

h) Các công trình khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành giao

cho cấp xã quản lý.

i) Chi vốn đối ứng: các dự án NGO, các dự án tài trợ khác, các chương trình, dự án của tỉnh đầu tư trên địa bàn theo quy định cụ thể của từng chương trình, dự án.

k) Sửa chữa lớn các công trình đã đầu tư do cấp xã quản lý sử dụng (hàng năm phân bổ tối thiểu 5%-10% từ nguồn vốn phân cấp do cấp xã quản lý để thực hiện).

l) Xây dựng Trụ sở cấp xã.

m) Công trình (bao gồm chi vốn đối ứng) thuộc các chương trình đầu tư công.

n) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách cấp xã cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (không bao gồm các công trình quốc phòng an ninh).

Điều 4. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030

1. Phân bổ vốn đầu tư trong cân đối giữa các cấp phải đáp ứng nhu cầu đầu tư cho cấp xã nhưng đồng thời phải đảm bảo nguồn lực để tỉnh tập trung đầu tư hoàn thành các công trình quan trọng, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư công bổ sung có mục tiêu cho địa phương bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; ưu tiên đầu tư vào các công trình dự án cấp thiết phục vụ dân sinh, công trình có tính liên kết, lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

3. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 và hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, quyết định phân bổ vốn đầu tư công cấp tỉnh và tổng mức vốn đối với cấp xã từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung theo tiêu chí, định mức. Riêng các nguồn vốn đầu tư công như ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, xổ số kiến thiết, nguồn bội chi ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác (bao gồm nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác) do cấp tỉnh quản lý và phân bổ vốn theo quy định.

4. Phân bổ vốn cho các chương trình, dự án phải phù hợp với nhiệm vụ chi đầu tư của các cấp. Ngân sách cấp tỉnh quản lý (không bao gồm ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài,

nguồn bội chi ngân sách địa phương) được sử dụng để chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã đầu tư các dự án thuộc nhiệm vụ chi của cấp xã theo ngành, lĩnh vực, không bao gồm các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương theo nguyên tắc địa phương tự quyết định, tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm, bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư trong cân đối và tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển góp phần thực hiện hoàn thành mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 14/7/2025 của Tỉnh ủy về tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2025-2030.

6. Các dự án được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 và hàng năm đã hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 giữa cấp tỉnh, cấp xã

1. Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung

a) Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung phân cấp cho cấp xã tối đa không quá 30% tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung của toàn tỉnh.

b) Tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung giữa các xã, phường (trừ đặc khu Trường Sa) giai đoạn 2026-2030:

- Thực hiện phân bổ vốn theo 04 nhóm tiêu chí, gồm: (1) Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số; (2) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên; (3) Tiêu chí trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều; (4) Tiêu chí bổ sung: Xã đáp ứng **đồng thời** hai điều kiện vừa có các động lực tăng trưởng nằm trong các trụ cột phát triển công nghiệp, năng lượng và vùng động lực chính phát triển Khu Kinh tế Vân Phong theo Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy: các dự án động lực như Khu công nghiệp; dự án công nghiệp trọng điểm có tác động lan tỏa (LNG, thủy điện tích năng...) và vừa có tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2026-2030 từ 14% trở lên theo văn kiện Đại hội Đảng các xã.

- Định mức phân bổ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung cho các xã giai đoạn 2026-2030 như sau:

STT	Địa bàn	Tỷ lệ phân bổ (%)
	Tổng số	100,0
1	Phường Bắc Nha Trang	1,00
2	Phường Nam Nha Trang	1,23

STT	Địa bàn	Tỷ lệ phân bổ (%)
3	Phường Nha Trang	1,00
4	Phường Tây Nha Trang	1,00
5	Phường Bắc Cam Ranh	1,38
6	Phường Cam Ranh	1,07
7	Phường Cam Linh	0,84
8	Phường Ba Ngòi	1,38
9	Xã Nam Cam Ranh	2,07
10	Phường Ninh Hòa	1,15
11	Phường Đông Ninh Hòa	1,61
12	Phường Hòa Thắng	1,04
13	Xã Bắc Ninh Hòa	1,92
14	Xã Tân Định	1,23
15	Xã Nam Ninh Hòa	1,57
16	Xã Tây Ninh Hòa	1,73
17	Xã Hòa Trí	1,11
18	Xã Vạn Ninh	1,27
19	Xã Vạn Hưng	1,30
20	Xã Vạn Thắng	1,42
21	Xã Tu Bông	1,50
22	Xã Đại Lãnh	1,73
23	Xã Diên Khánh	1,04
24	Xã Diên Lạc	1,04
25	Xã Diên Điền	1,04
26	Xã Diên Lâm	0,92

STT	Địa bàn	Tỷ lệ phân bổ (%)
27	Xã Diên Thọ	0,96
28	Xã Suối Hiệp	1,07
29	Xã Cam Lâm	1,57
30	Xã Suối Dầu	1,19
31	Xã Cam Hiệp	0,84
32	Xã Cam An	1,23
33	Xã Bắc Khánh Vĩnh	1,54
34	Xã Trung Khánh Vĩnh	2,65
35	Xã Tây Khánh Vĩnh	2,49
36	Xã Nam Khánh Vĩnh	2,30
37	Xã Khánh Vĩnh	1,73
38	Xã Khánh Sơn	1,42
39	Xã Đông Khánh Sơn	2,30
40	Xã Tây Khánh Sơn	2,57
41	Phường Phan Rang	1,11
42	Phường Đông Hải	1,15
43	Phường Ninh Chữ	1,11
44	Phường Bảo An	1,19
45	Phường Đô Vinh	1,38
46	Xã Ninh Phước	1,57
47	Xã Phước Hữu	1,84
48	Xã Phước Hậu	1,57
49	Xã Thuận Nam	1,69
50	Xã Cà Ná	1,46

STT	Địa bàn	Tỷ lệ phân bổ (%)
51	Xã Phước Hà	1,96
52	Xã Phước Dinh	1,80
53	Xã Ninh Hải	1,65
54	Xã Xuân Hải	1,54
55	Xã Vĩnh Hải	1,84
56	Xã Thuận Bắc	1,92
57	Xã Công Hải	1,92
58	Xã Ninh Sơn	1,15
59	Xã Lâm Sơn	1,80
60	Xã Anh Dũng	2,23
61	Xã Mỹ Sơn	2,07
62	Xã Bác Ái Đông	2,49
63	Xã Bác Ái	2,84
64	Xã Bác Ái Tây	3,24
65	Đặc khu Trường Sa	Cấp tỉnh đầu tư

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất

Thực hiện phân bổ theo đúng quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách giai đoạn 2026-2030.

3. Các nguồn vốn còn lại như nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn bội chi ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác (bao gồm nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính hợp pháp khác) do cấp tỉnh quản lý và phân bổ theo quy định tại Điều 3.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành rà soát, bổ sung cụ thể nội dung phân cấp quản lý và các nội dung khác cho phù hợp với các quy định mới trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân

dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày tháng ... năm 2025.

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: VT.